

Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



iPF K 40 modular surge arrester - 1 pole + N - 340V

A9L15687

Main

Range of product	IPF K
range of product	Acti9
Product name	Acti9 iPF K
Product or component type	Surge arrester
Device short name	iPF K
Device application	Distribution
Standards	IEC 61643-11:2011
Product certifications	EAC CE
Poles description	1P + N
Remote signalling	Without
Surge arrester type	Electrical distribution network
Earthing system	TT TN-S

Complementary

Surge arrester class type	Type 2
Surge arrester technology	MOV + GDT
[Ue] rated operational voltage	230 V AC (+/- 10 %) at 50/60 Hz
Nominal discharge current	Common mode: 15 kA (L/PE) Common mode: 15 kA (N/PE) Differential mode: 15 kA (L/N)
Maximum discharge current	Common mode: 40 kA L/PE Common mode: 40 kA N/PE Differential mode: 40 kA L/N
[Uc] maximum continuous operating voltage	Common mode: 260 V N/PE Differential mode: 340 V L/N
Maximum [Up] voltage protection level	Common mode <1.5 kV type 2 N/PE Differential mode <1.5 kV type 2 L/N
[Ut] temporary overvoltage	337 V L/N 5 s withstand 442 V L/PE 5 s withstand 1200 V N/PE 200 ms withstand 1453 V L/PE 200 ms withstand
Disconnecter device type	Associated circuit breaker iK60N 40 A curve C - Icu 6 kA Associated fuse gG 63 A - Icu 25 kA
Signalling circuit voltage	0.25 A/250 V AC 50/60 Hz
Mounting mode	Clip-on (DIN rail)

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

9 mm pitches	4
Height	81 mm
Width	36 mm
Depth	69 mm
Net weight	210 g
Colour	White (RAL 9003)
[Ipe] Ground residual current	0.003 mA
Connections - terminals	Tunnel type terminal (top or bottom) 25 mm² rigid Tunnel type terminal (top or bottom) 16 mm² flexible Tunnel type terminal (top or bottom) 16 mm² flexible with ferrule
Wire stripping length	11 mm
Tightening torque	3.5 N.m
Compatibility code	IPF K 40

Environment

IK degree of protection	IK03 conforming to IEC 62262
Relative humidity	5...95 %
Operating altitude	2000 m
Ambient air temperature for operation	-25...60 °C
Ambient air temperature for storage	-40...85 °C

Packing Units

Unit Type of Package 1	PCE
Number of Units in Package 1	1
Package 1 Height	4.500 cm
Package 1 Width	7.500 cm
Package 1 Length	9.000 cm
Package 1 Weight	205.000 g
Unit Type of Package 2	BB1
Number of Units in Package 2	6
Package 2 Height	8.500 cm
Package 2 Width	9.500 cm
Package 2 Length	27.500 cm
Package 2 Weight	1.303 kg
Unit Type of Package 3	S03
Number of Units in Package 3	72
Package 3 Height	30.000 cm
Package 3 Width	30.000 cm
Package 3 Length	40.000 cm
Package 3 Weight	15.802 kg

Contractual warranty

Warranty

18 months

Schneider Electric nhắm đến việc đạt được vị trí Net Zero vào năm 2050 thông qua các quan hệ đối tác chuỗi cung ứng, giảm vật liệu tác động và sự tuần hoàn thông qua chiến dịch "Use Better, Use Longer, Use Again" đang diễn ra của chúng tôi để kéo dài tuổi thọ sản phẩm và khả năng tái chế.

[Dữ liệu môi trường đã giải thích >](#)

[Cách chúng tôi đánh giá tính bền vững của sản phẩm >](#)

Ảnh hưởng môi trường

Environmental Disclosure

[Product Environmental Profile](#)

Use Better

Vật liệu và Bao bì

Packaging made with recycled cardboard	No
Packaging without single use plastic	No
EU RoHS Directive	Compliant with Exemptions
SCIP Number	0bbc2178-3d34-4158-9394-3fac14d7c7ed
REACH Regulation	REACH Declaration

Use Again

Đóng gói lại và tái sản xuất

End of life manual availability	End of Life Information
Take-back	No
WEEE Label	 The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins